**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN**

**GIẢI QUYẾT CỦA NGÀNH NỘI VỤTRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TÂY NINH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Tên thủ tục hành chính** | **Lĩnh vực** | **Ghi chú** |
| **I** | **CẤP TỈNH (81 TTHC)** |  |  |
| 1 | Thủ tục công nhận ban vận động thành lập hội | Tổ chức phi chính phủ |  |
| 2 | Thủ tục thành lập hội | Tổ chức phi chính phủ |  |
| 3 | Thủ tục phê duyệt Điều lệ hội | Tổ chức phi chính phủ |  |
| 4 | Thủ tục chia, tách; sáp nhật; hợp nhất hội | Tổ chức phi chính phủ |  |
| 5 | Thủ tục đổi tên hội | Tổ chức phi chính phủ |  |
| 6 | Thủ tục hội tự giải thể | Tổ chức phi chính phủ |  |
| 7 | Thủ tục báo cáo tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội | Tổ chức phi chính phủ |  |
| 8 | Thủ tục cho phép hội đặt văn phòng đại diện | Tổ chức phi chính phủ |  |
| 9 | Thủ tục cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ | Tổ chức phi chính phủ |  |
| 10 | Thủ tục công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ | Tổ chức phi chính phủ |  |
| 11 | Thủ tục công nhận thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng quản lý quỹ | Tổ chức phi chính phủ |  |
| 12 | Thủ tục thay đổi giấy phép thành lập và công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ | Tổ chức phi chính phủ |  |
| 13 | Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ. | Tổ chức phi chính phủ |  |
| 14 | Thủ tục cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ hoạt động | Tổ chức phi chính phủ |  |
| 15 | Thủ tục hợp nhất, sáp nhập, chia, tách quỹ | Tổ chức phi chính phủ |  |
| 16 | Thủ tục đổi tên quỹ | Tổ chức phi chính phủ |  |
| 17 | Thủ tục quỹ tự giải thể | Tổ chức phi chính phủ |  |
| 18 | Thủ tục thẩm định việc thành lập đơn vị sự nghiệp công lập | Tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập |  |
| 19 | Thủ tục thẩm định việc tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập | Tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập |  |
| 20 | Thủ tục thẩm định việc giải thể đơn vị sự nghiệp công lập | Tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập |  |
| 21 | Thủ tục tiếp nhận các trường hợp đặc biệt trong tuyến dụng công chức | Công chức |  |
| 22 | Thủ tục thi nâng ngạch công chức | Công chức |  |
| 23 | Thủ tục xét chuyển cán bộ, công chức cấp xã thành công chức từ cấp huyện trở lên | Công chức |  |
| 24 | Thủ tục thi tuyển công chức | Công chức |  |
| 25 | Thủ tục xét tuyển công chức | Công chức |  |
| 26 | Thủ tục thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức | Viên chức |  |
| 27 | Thủ tục thi tuyển viên chức | Viên chức |  |
| 28 | Thủ tục xét tuyển viên chức | Viên chức |  |
| 29 | Thủ tục xét tuyển đặc cách viên chức | Viên chức |  |
| 30 | Thủ tục thành lập ấp mới, khu phố mới | Chính quyền địa phương |  |
| 31 | Thủ tục phân loại đơn vị hành chính cấp xã | Chính quyền địa phương |  |
| 32 | Thủ tục thành lập tổ chức thanh niên xung phong ở cấp tỉnh | Công tác thanh niên |  |
| 33 | Thủ tục giải thể tổ chức thanh niên xung phong ở cấp tỉnh | Công tác thanh niên |  |
| 34 | Thủ tục xác nhận phiên hiệu thanh niên xung phong ở cấp tỉnh. | Công tác thanh niên |  |
| 35 | Thủ tục đề nghị công nhận tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh | Tín ngưỡng, tôn giáo |  |
| 36 | Thủ tục đăng ký sửa đổi hiến chương của tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh | Tín ngưỡng, tôn giáo |  |
| 37 | Thủ tục đề nghị thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh | Tín ngưỡng, tôn giáo |  |
| 38 | Thủ tục đăng ký thuyên chuyển chức sắc, chức việc, nhà tu hành là người đang bị buộc tội hoặc người chưa được xóa án tích | Tín ngưỡng, tôn giáo |  |
| 39 | Thủ tục đề nghị sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cử trú hợp pháp tại Việt Nam | Tín ngưỡng, tôn giáo |  |
| 40 | Thủ tục đề nghị mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào Việt Nam thực hiện hoạt động tôn giáo ở một tỉnh | Tín ngưỡng, tôn giáo |  |
| 41 | Thủ tục đề nghị mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài đến giảng đạo cho tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo ở một tỉnh | Tín ngưỡng, tôn giáo |  |
| 42 | Thủ tục đề nghị thay đổi tên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh | Tín ngưỡng, tôn giáo |  |
| 43 | Thủ tục đề nghị thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc | Tín ngưỡng, tôn giáo |  |
| 44 | Thủ tục đề nghị cấp đăng ký pháp nhân phi thương mại cho tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh | Tín ngưỡng, tôn giáo |  |
| 45 | Thủ tục đề nghị tự giải thể tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương | Tín ngưỡng, tôn giáo |  |
| 46 | Thủ tục đề nghị giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương của tổ chức | Tín ngưỡng, tôn giáo |  |
| 47 | Thủ tục thông báo thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc | Tín ngưỡng, tôn giáo |  |
| 48 | Thủ tục thông báo về việc đã giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương của tổ chức. | Tín ngưỡng, tôn giáo |  |
| 49 | Thủ tục thông báo tổ chức quyên góp không thuộc quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 Điều 19 của Nghị định số 162/2017/NĐ-CP | Tín ngưỡng, tôn giáo |  |
| 50 | Thủ tục đề nghị cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo cho tổ chức có địa bàn hoạt động ở một tỉnh. | Tín ngưỡng, tôn giáo |  |
| 51 | Thủ tục thông báo người được phong phẩm hoặc suy cử làm chức sắc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 33 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo | Tín ngưỡng, tôn giáo |  |
| 52 | Thủ tục thông báo hủy kết quả phong phẩm hoặc suy cử chức sắc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 33 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo. | Tín ngưỡng, tôn giáo |  |
| 53 | Thủ tục đăng ký người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo. | Tín ngưỡng, tôn giáo |  |
| 54 | Thủ tục đăng ký người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh. | Tín ngưỡng, tôn giáo |  |
| 55 | Thủ tục thông báo về người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo. | Tín ngưỡng, tôn giáo |  |
| 56 | Thủ tục thông báo về người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh. | Tín ngưỡng, tôn giáo |  |
| 57 | Thủ tục thông báo kết quả bổ nhiệm, bầu cử, suy cử những người lãnh đạo tổ chức của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định tại khoản 7 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo. | Tín ngưỡng, tôn giáo |  |
| 58 | Thủ tục thông báo kết quả bổ nhiệm, bầu cử, suy cử những người lãnh đạo tổ chức đối với tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định tại khoản 7 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo. | Tín ngưỡng, tôn giáo |  |
| 59 | Thủ tục thông báo kết quả bổ nhiệm, bầu cử, suy cử những người lãnh đạo tổ chức đối với tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định tại khoản 7 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo. | Tín ngưỡng, tôn giáo |  |
| 60 | Thủ tục thông báo thuyên chuyển chức sắc, chức việc, nhà tu hành. | Tín ngưỡng, tôn giáo |  |
| 61 | Thủ tục thông báo cách chức, bãi nhiệm chức sắc, chức việc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 33 và khoản 2 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo. | Tín ngưỡng, tôn giáo |  |
| 62 | Thủ tục thông báo cách chức, bãi nhiệm chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh. | Tín ngưỡng, tôn giáo |  |
| 63 | Thủ tục đăng ký mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo cho người chuyên hoạt động tôn giáo. | Tín ngưỡng, tôn giáo |  |
| 64 | Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều huyện thuộc một tỉnh. | Tín ngưỡng, tôn giáo |  |
| 65 | Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều huyện thuộc một tỉnh. | Tín ngưỡng, tôn giáo |  |
| 66 | Thủ tục thông báo tổ chức hội nghị thường niên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều huyện thuộc một tỉnh. | Tín ngưỡng, tôn giáo |  |
| 67 | Thủ tục đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở nhiều huyện thuộc một tỉnh. | Tín ngưỡng, tôn giáo |  |
| 68 | Thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở nhiều huyện thuộc một tỉnh hoặc ở nhiều tỉnh. | Tín ngưỡng, tôn giáo |  |
| 69 | Thủ tục đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở nhiều huyện thuộc một tỉnh hoặc ở nhiều tỉnh. | Tín ngưỡng, tôn giáo |  |
| 70 | Thủ tục tặng thưởng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. | Thi đua khen thưởng |  |
| 71 | Thủ tục tặng Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh. | Thi đua khen thưởng |  |
| 72 | Thủ tục tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh. | Thi đua khen thưởng |  |
| 73 | Thủ tục tặng danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc. | Thi đua khen thưởng |  |
| 74 | Thủ tục tặng Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh theo đợt hoặc chuyên đề. | Thi đua khen thưởng |  |
| 75 | Thủ tục tặng thưởng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo đợt hoặc chuyên đề. | Thi đua khen thưởng |  |
| 76 | Thủ tục tặng thưởng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh về thành tích đột xuất. | Thi đua khen thưởng |  |
| 77 | Thủ tục tặng thưởng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh cho gia đình. | Thi đua khen thưởng |  |
| 78 | Thủ tục tặng thưởng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh về thành tích đối ngoại. | Thi đua khen thưởng |  |
| 79 | Thủ tục cấp, cấp lại chứng chỉ hành nghề lưu trữ. | Văn thư lưu trữ |  |
| 80 | Thủ tục phục vụ việc sử dụng của độc giả tại phòng đọc. | Văn thư lưu trữ |  |
| 81 | Thủ tục cấp bản sao và chứng thực lưu trữ. | Văn thư lưu trữ |  |
| **II** | **CẤP HUYỆN (37 TTHC)** |  |  |
| 1 | Thủ tục công nhận ban vận động thành lập hội. | Tổ chức phi chính phủ |  |
| 2 | Thủ tục thành lập hội. | Tổ chức phi chính phủ |  |
| 3 | Thủ tục phê duyệt Điều lệ hội. | Tổ chức phi chính phủ |  |
| 4 | Thủ tục chia, tách; sáp nhật; hợp nhất hội. | Tổ chức phi chính phủ |  |
| 5 | Thủ tục đổi tên hội | Tổ chức phi chính phủ |  |
| 6 | Thủ tục hội tự giải thể. | Tổ chức phi chính phủ |  |
| 7 | Thủ tục báo cáo tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội. | Tổ chức phi chính phủ |  |
| 8 | Thủ tục cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ. | Tổ chức phi chính phủ |  |
| 9 | Thủ tục công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ. | Tổ chức phi chính phủ |  |
| 10 | Thủ tục công nhận thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng quản lý quỹ. | Tổ chức phi chính phủ |  |
| 11 | Thủ tục thay đổi giấy phép thành lập và công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ. | Tổ chức phi chính phủ |  |
| 12 | Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ. | Tổ chức phi chính phủ |  |
| 13 | Thủ tục cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ hoạt động. | Tổ chức phi chính phủ |  |
| 14 | Thủ tục hợp nhất, sáp nhập, chia, tách quỹ. | Tổ chức phi chính phủ |  |
| 15 | Thủ tục đổi tên quỹ | Tổ chức phi chính phủ |  |
| 16 | Thủ tục quỹ tự giải thể. | Tổ chức phi chính phủ |  |
| 17 | Thủ tục thẩm định hồ sơ người đang trực tiếp tham gia hoạt động chữ thập đỏ bị tai nạn dẫn đến thiệt hại về sức khỏe. | Tổ chức phi chính phủ |  |
| 18 | Thủ tục xem xét, chi trả chi phí cho người đang trực tiếp tham gia hoạt động chữ thập đỏ bị tai nạn dẫn đến thiệt hại về sức khỏe. | Tổ chức phi chính phủ |  |
| 19 | Thủ tục thẩm định việc thành lập đơn vị sự nghiệp công lập | Tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp |  |
| 20 | Thủ tục thẩm định việc tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập. | Tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp |  |
| 21 | Thủ tục thẩm định việc giải thể đơn vị sự nghiệp công lập | Tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp |  |
| 22 | Thủ tục thông báo mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo theo quy định tại khoản 2 Điều 41 Luật tín ngưỡng, tôn giáo. | Tín ngưỡng, tôn giáo |  |
| 23 | Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện. | Tín ngưỡng, tôn giáo |  |
| 24 | Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện. | Tín ngưỡng, tôn giáo |  |
| 25 | Thủ tục thông báo tổ chức hội nghị thường niên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một huyện. | Tín ngưỡng, tôn giáo |  |
| 26 | Thủ tục đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một huyện. | Tín ngưỡng, tôn giáo |  |
| 27 | Thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện. | Tín ngưỡng, tôn giáo |  |
| 28 | Thủ tục đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện. | Tín ngưỡng, tôn giáo |  |
| 29 | Thủ tục thông báo tổ chức quyên góp ngoài địa bàn một xã nhưng trong địa bàn một huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc. | Tín ngưỡng, tôn giáo |  |
| 30 | Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích thực hiện nhiệm vụ chính trị. | Thi đua khen thưởng |  |
| 31 | Thủ tục tặng danh hiệu Tậpthể lao động tiên tiến. | Thi đua khen thưởng |  |
| 32 | Thủ tục tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở. | Thi đua khen thưởng |  |
| 33 | Thủ tục tặng danh hiệu Lao động tiên tiến. | Thi đua khen thưởng |  |
| 34 | Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích thi đua theo đợt, chuyên đề. | Thi đua khen thưởng |  |
| 35 | Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích đột xuất. | Thi đua khen thưởng |  |
| 36 | Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về khen thưởng đối ngoại. | Thi đua khen thưởng |  |
| 37 | Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện cho gia đình. | Thi đua khen thưởng |  |
| **III** | **CẤP XÃ (15 TTHC)** |  |  |
| 1 | Thủ tục đăng ký hoạt động tín ngưỡng. | Tín ngưỡng, tôn giáo |  |
| 2 | Thủ tục đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng | Tín ngưỡng, tôn giáo |  |
| 3 | Thủ tục đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung. | Tín ngưỡng, tôn giáo |  |
| 4 | Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã. | Tín ngưỡng, tôn giáo |  |
| 5 | Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã. | Tín ngưỡng, tôn giáo |  |
| 6 | Thủ tục đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung. | Tín ngưỡng, tôn giáo |  |
| 7 | Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã. | Tín ngưỡng, tôn giáo |  |
| 8 | Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã. | Tín ngưỡng, tôn giáo |  |
| 9 | Thủ tục thông báo về việc thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung. | Tín ngưỡng, tôn giáo |  |
| 10 | Thủ tục thông báo tổ chức quyên góp trong địa bàn một xã của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc. | Tín ngưỡng, tôn giáo |  |
| 11 | Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thực hiện nhiệm vụ chính trị. | Thi đua khen thưởng |  |
| 12 | Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích thi đua theo đợt hoặc chuyên đề. | Thi đua khen thưởng |  |
| 13 | Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích đột xuất. | Thi đua khen thưởng |  |
| 14 | Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã cho gia đình. | Thi đua khen thưởng |  |
| 15 | Thủ tục xét tặng danh hiệu Lao động tiên tiến. | Thi đua khen thưởng |  |